

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 02 - 2026

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lò Thị Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Việt Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vân - Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên;

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Vân A** Tên gọi khác: Nguyễn Thị A

Địa chỉ: Số nhà X, tổ dân phố Y, phường Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn C**. Địa chỉ: Số nhà X, tổ dân phố Y, phường Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn C có đăng ký kết hôn ngày 13/02/1989 tại UBND thị trấn nông trường M, huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là xã M, tỉnh Điện Biên). Kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân chính

là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Do đó bà A có nguyện vọng ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh T - sinh ngày 06/12/1990 và Nguyễn Quang S - sinh ngày 19/01/2007.

Ban đầu bà A có nguyện vọng: Do các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, sau khi trao đổi với ông C. Bà A xin thay đổi yêu cầu về con chung như sau: Sau khi ly hôn, bà A sẽ trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang S cho đến khi cháu học hết đại học và có khả năng lao động, không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu Nguyễn Thị Minh T đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đây là ý kiến cá nhân của bà A, bà A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung:

Ban đầu bà A yêu cầu Tòa án phân chia tài sản là nhà, đất tại số nhà X, tổ dân phố Y, phường Đ, tỉnh Điện Biên. Tuy nhiên, sau khi trao đổi với ông C. Bà A xin thay đổi yêu cầu về tài sản như sau: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ (chung, riêng): Không có.

Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không trả lời thông báo thụ lý vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn có nơi cư trú tại phường Đ, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt đương sự: Do nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238/BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) Hội

đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Bà A và ông C có đăng ký kết hôn ngày 13/02/1989 tại UBND thị trấn nông trường M, huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là xã M, tỉnh Điện Biên) là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng: Qua lời khai của nguyên đơn, thấy rằng nguyên nhân dẫn chính dẫn đến mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không trả lời thông báo thụ lý vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Được coi là từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Thể hiện sự thiếu thiện chí trong việc giải quyết vụ án, không có nguyện vọng đoàn tụ.

Do đó có căn cứ về việc bà A và ông C đã sống ly thân, hiện không còn quan tâm gì đến nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng (nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau...) làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và giải quyết cho bà A được ly hôn với ông C.

[3.2] Về con chung:

Bà A và ông C có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh T - sinh ngày 06/12/1990 và Nguyễn Quang S - sinh ngày 19/01/2007. Bà A yêu cầu: Sau khi ly hôn, bà A sẽ trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang S cho đến khi cháu học hết đại học và có khả năng lao động, không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu Nguyễn Thị Minh T đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, yêu cầu này của bà A là chưa phù hợp vì: Cháu Nguyễn Quang S - sinh ngày 19/01/2007 đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động, không thuộc trường hợp đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, bà A cho rằng đây là ý kiến của mình, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết về việc giao con, cấp dưỡng trong vụ án này.

[3.3] Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn C có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh T - sinh ngày 06/12/1990 và Nguyễn Quang S - sinh ngày 19/01/2007 đều đã thành niên, có khả năng lao động nên không giải quyết về việc giao con và cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000228 ngày 26/11/2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Điện Biên (Bà A đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 - ĐB;
- Những người tham gia tố tụng;
- THADS tỉnh ĐB;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- UBND xã M, tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ